

PŘIHLÁŠKA KE VZDĚLÁVÁNÍ – STUDIU

ve střední škole

Forma vzdělávání – denní

A

Vyplní uchazeč nebo zákonný
zástupce uchazeče

Ev. č. přihlášky (vyplní střední škola)

místo pro QR kód

Příjmení uchazeče		Rodné příjmení ¹⁾	
Jméno uchazeče ²⁾			
Místo narození (město, stát)		Státní občanství	
Datum narození	Rodné číslo ³⁾		
Adresa trvalého pobytu (pobytu cizince)		Doporučení školského poradenského zařízení pro úpravu podmínek přijímání ke vzdělávání ano ⁸⁾ ne ⁸⁾	
Adresa pro doručování písemností z přijímacího řízení, pokud se nezasílají na adresu trvalého pobytu uchazeče (nebo pobytu v případě cizince), nebo datová schránka			
Kontakt na zákonného zástupce (telefon / e-mail)			
Kontakt na uchazeče (telefon / e-mail)			
Název a adresa střední školy ⁵⁾ (pořadí škol určuje, kde se koná jednotná zkouška v 1. a v 2. termínu)			Ročník SŠ ⁶⁾
1. škola:	Jednotná zkouška ⁷⁾	Termín školní přijímací zkoušky ⁹⁾	
Obor vzdělání (kód a název), do kterého se uchazeč hlásí, popřípadě zaměření ŠVP ⁴⁾	ano ⁸⁾ ne ⁸⁾	Zkrácené studium ano ⁸⁾ ne ⁸⁾	
2. škola:	Jednotná zkouška ⁷⁾	Termín školní přijímací zkoušky ⁹⁾	
Obor vzdělání (kód a název), do kterého se uchazeč hlásí, popřípadě zaměření ŠVP ⁴⁾	ano ⁸⁾ ne ⁸⁾	Zkrácené studium ano ⁸⁾ ne ⁸⁾	
V	dne	Podpis uchazeče	
Zákonný zástupce uchazeče ¹⁰⁾ Jméno a příjmení (tiskacím písmem)	Datum narození		Podpis zástupce
Adresa trvalého pobytu (pobytu), pokud se liší od adresy trvalého pobytu uchazeče			

Poznámka: Údaje z přihlášky jsou zpracovány v registru uchazečů podle § 60b odst. 3 školského zákona.

Závěr o zdravotní způsobilosti ke vzdělávání

pro obor vzdělání (uveďte se jen kód)

Datum:

Razítko a podpis lékaře

Poznámka:

Závěr o zdravotní způsobilosti uchazeče ke vzdělávání v daném oboru vzdělání, pokud je u něj stanovena, se předkládá podle § 59 odst. 1 a § 60a odst. 3 školského zákona (zákon č. 561/2004 Sb.). Dokládá se jen u oborů vzdělání, kde je stanoveno zdravotní omezení nařízením vlády č. 211/2010 Sb. V případě potřeby je možné přiložit lékařský posudek podle zákona č. 373/2011 Sb., o specifických zdravotních službách, ve znění pozdějších předpisů.

Vysvětlivky:

- 1) Uvede se pouze v případě, pokud se liší od příjmení stávajícího.
- 2) Popřípadě jména.
- 3) RČ uvede uchazeč hlásící se na obor s maturitní zkouškou, kde bude konat jednotnou zkoušku. Pokud mu nebylo mu RČ přiděleno, uvede datum narození.
- 4) ŠVP = školní vzdělávací program se uvádí v případě stejných oborů, ale odlišných ŠVP v rámci jedné školy.
- 5) Údaje o škole/školách, na které uchazeč podává 2 přihlášky v prvním kole přijímacího řízení (v dalších kolech se v přihlášce uvádí jen jedna škola).
- 6) Uvádí se v případě přijímání do vyššího než prvního ročníku SŠ (§ 63 školského zákona).
- 7) V případě, že uchazeč již podal pro daný termín přihlášku na obor Gymnázium se sportovní přípravou a tudíž na této škole koná jednotnou zkoušku, zvolí NE při podání přihlášky na obor s maturitní zkouškou bez talentové zkoušky. V opačném případě koná jednotnou zkoušku na škole uvedenou na této přihlášce.
- 8) Nehodící se škrtně.
- 9) Uvádí se jeden z termínů školní přijímací zkoušky (nikoli jednotné zkoušky), je-li pro první kolo přijímacího řízení stanovena ředitelem školy podle § 60 odst. 3 písm. a) školského zákona.
- 10) Při podání přihlášky podle § 60a odst. 1 školského zákona za nezletilého uchazeče, nebo na základě plné moci (příloha přihlášky).

ĐƠN XIN HỌC

tại trường trung học

Hình thức đào tạo – chính quy

A

Học sinh hoặc đại diện pháp lý của học sinh điền

Số lưu của đơn (do trường điền)

mã QR

6

Họ học sinh	Hãy viết họ theo như họ chiếu		Họ khi sinh¹⁾
Tên học sinh²⁾	Hãy viết tên theo như họ chiếu.		Chỉ điền nếu có thay đổi họ.
Nơi sinh (thành phố, quốc gia)			Quốc tịch
Ngày sinh	NN. TT. NNNN	Số sinh ³⁾ Nếu có.	Viết tên quốc gia mà bạn là công dân.
Địa chỉ thường trú (nơi cư trú của người nước ngoài)	Hãy viết mình đang ở đâu – phố, số nhà, số bưu điện, huyện/thành phố.		Khuyến cáo của cơ quan tư vấn giáo dục để điều chỉnh điều kiện nhận học có ⁸⁾ không ⁸⁾
Địa chỉ để gửi văn bản khi tuyển thi, nếu như không gửi vào địa chỉ thường trú của học sinh (hoặc nơi cư trú đối với người nước ngoài), hoặc hòm dữ liệu điện tử	Chỉ điền khi địa chỉ liên lạc khác với địa chỉ cư trú.		
Liên lạc của đại diện pháp lý (điện thoại/ e-mail)			
Liên lạc của học sinh (điện thoại/ e-mail)			
Tên và địa chỉ trường trung học⁵⁾ (thứ tự các trường quy định kỳ thi toàn quốc lần 1 và 2 ở đâu)			Năm học TH ⁶⁾
Trường số 1: Ở vòng đầu thi tuyển bạn có thể nộp 2 đơn – hãy điền trường số 1 và 2 vào đơn. Cả 2 đơn đều giống nhau. Trường số 1 – lịch thi tuyển toàn quốc (các ngành có thi tốt nghiệp quốc gia).	Kỳ thi toàn quốc ⁷⁾	Lịch thi tuyển vào trường ⁹⁾	
Ngành nghề đào tạo (mã và tên), mà học sinh đăng ký học, hoặc chuyên môn của trường trình đào tạo ⁴⁾	có ⁸⁾ không ⁸⁾	Chương trình học rút ngắn có ⁸⁾ không ⁸⁾	
Có trên trang web của trường.			
Trường số 2: trường số 2 – lịch thi tuyển toàn quốc số 2 (các ngành có thi tốt nghiệp quốc gia).	Kỳ thi toàn quốc ⁷⁾	Lịch thi tuyển vào trường ⁹⁾	
Ngành nghề đào tạo (mã và tên), mà học sinh đăng ký học, hoặc chuyên môn của trường trình đào tạo ⁴⁾	có ⁸⁾ không ⁸⁾	Chương trình học rút ngắn có ⁸⁾ không ⁸⁾	
Tại	ngày	Chữ ký của học sinh	
Đại diện pháp lý của học sinh¹⁰⁾	Tên và họ (chữ in hoa)		Ngày sinh
Địa chỉ thường trú (cư trú) nếu khác với địa chỉ thường trú của học sinh		Chữ ký của đại diện	

Poznámka: Údaje z přihlášky jsou zpracovány v registru uchazečů podle § 60b odst. 3 školského zákona.

Kết luận đủ sức khỏe để đi học

cho ngành nghề đào tạo (chỉ nêu mã)

Tìm hiểu tiêu chí thi tuyển xem trên trang web của trường xem cần phải có chứng nhận của bác sĩ hay không (Thường hay cần ở một số ngành như y tế, thực phẩm v.v...). Nếu bạn chưa có bác sĩ, hãy liên hệ với hãng bảo hiểm của mình – hãng bảo hiểm sẽ giúp bạn tìm được bác sĩ mà hãng có ký hợp đồng.

Ngày:

Dấu và chữ ký của bác sĩ

Ghi chú:

Kết luận học sinh đủ sức khỏe để đi học trong một ngành nghề đào tạo nếu như luật pháp quy định thì sẽ được trình theo điều 59 khoản 1 và 60 khoản 3 của luật giáo dục (luật số 561/2004 Sb.) Giấy sức khỏe chỉ phải trình ở ngành nghề đào tạo, nơi có hạn chế sức khỏe được quy định theo nghị định chính phủ số 211/2010Sb. Trong trường hợp cần thiết có thể kèm giấy đánh giá của bác sĩ theo luật về dịch vụ y tế đặc biệt hiện hành số 373/211 Sb.

Chú giải:

1) Chỉ điền trong trường hợp khác với họ hiện tại.

2) Hoặc tên khác.

3) Học sinh điền số sinh nếu đăng ký vào nghề có kỳ thi tốt nghiệp quốc gia, nơi mà sẽ có thi toàn quốc. Nếu học sinh chưa có số sinh thì nêu ngày sinh.

4) SVP = chương trình đào tạo nếu trong trường hợp các ngành nghề giống nhau nhưng khác chương trình đào tạo trong khuôn khổ trường.

5) Dữ liệu về trường/các trường mà học sinh đăng ký 2 đơn trong vòng tuyển sinh đầu (trong các vòng tiếp theo chỉ nêu 1 trường trong đơn).

6) Điền nếu được nhận vào năm học cao hơn năm học đầu của trung học (điều 63 của luật giáo dục).

7) Nếu học sinh đã nộp đơn cho lịch đăng ký đã có vào trung học phổ thông với chuyên khoa thể thao và sẽ tham gia thi toàn quốc tại trường này thì sẽ chọn KHÔNG khi nộp đơn cho ngành có thi quốc gia không có thi năng khiếu. Trong trường hợp ngược lại học sinh sẽ tham gia thi toàn quốc tại trường nêu trên đơn.

8) Gạch phần không đúng.

9) Chỉ điền một lịch thi tuyển vào trường (không phải lịch thi quốc gia), nếu như thi tuyển vòng đầu do hiệu trưởng trường quy định theo điều 60 khoản 3 mục a) của luật giáo dục.

10) Nộp đơn thay cho học sinh vị thành niên, hoặc theo ủy quyền (phụ lục kèm đơn) theo điều 60a khoản 1 của luật giáo dục.

B

Vyplní škola
nebo uchazečIZO školy¹¹⁾

Chování a prospěch uchazeče ze školy ¹²⁾ – opis klasifikace					Schopnosti, vědomosti, zájmy, talent uchazeče a další ¹³⁾
Předmět (povinné a volitelné předměty)	Ročník / školní rok ¹⁶⁾				
	1.	2.	1.	2.	
Průměrný prospěch ¹⁴⁾					

Pokud přikládáte vysvědčení ze školy, která není v ČR, je potřeba aby se jednalo nejen o ověřené kopie vysvědčení, ale aby bylo i přeloženo do českého jazyka. Soudního tlumočnicka můžete požádat o uvedení srovnávací tabulky známek v poznámce. Jestli je systém známkování jiný než v ČR, je vhodné napsat do průvodního dopisu řediteli školy, kolik stupňů má škála známkování, jaká známka je nejlepší a jaká je nejhorší. Můžete tyto známky převést na české ekvivalenty a vypočítat studijní průměr podle českého známkování.

Listů příloh¹⁵⁾:Křížkem označte
vybranou možnostPotvrzení opisu klasifikace z vysvědčení školou na základě žádosti uchazeče
(razítko bez malého státního znaku a podpis ředitele školy), neboPodpis uchazeče, pokud vyplňuje údaje a přikládá ověřené kopie vysvědčení
(podle § 1 odst. 2 vyhlášky č. 353/2016 Sb.).

Potvrzení opisu klasifikace

Poznámky: Datum podání rozhoduje o zařazení do příslušného kola přijímacího řízení
Na str. B se potvrzuje správnost opisu známek z vysvědčení

Vysvětlivky:

- 11) IZO školy – resortní identifikátor školy uvedený na vysvědčení.
- 12) Vyplní škola (zpravidla základní nebo příslušná střední škola) nebo uchazeč. Uvede se chování a prospěch v návaznosti na kritéria přijímání zpravidla za poslední dva ročníky základní, speciální nebo příslušné střední školy, pokud se nepřiloží ověřené kopie vysvědčení (§ 1 odst. 1 a 2 vyhlášky č. 353/2016 Sb.).
- 13) Údaje lze doplnit ve zvláštní příloze, především v návaznosti na kritéria přijímání.
- 14) Průměrný prospěch ze všech povinných vyučovacích předmětů vypočtený na dvě desetinná místa.
- 15) Přiložené doklady lze uplatnit na jedné škole jen jednou (ke druhému tiskopisu přihlášky podané na téže škole lze uvést odkaz na číslo spisu první přihlášky).
- 16) Uvede se školní rok, ve kterém byl absolvován ročník, jehož hodnocení je předkládáno. Nehodnotí se druhé pololetí školního roku 2019/2020.

B

Trường hoặc học
sinh điềnMã trường ¹¹⁾

Hạng kiểm và học lực của học sinh ở trường ¹²⁾ – bản sao tổng kết					Khả năng, nhận thức, sở thích, năng khiếu của học sinh và ưu điểm khác ¹³⁾
Môn học (bắt buộc và tự chọn)	Năm / năm học ¹⁶⁾				
	1.	2.	1.	2.	
<p>Nếu có chứng chỉ của trường mà không ở CH Séc thì không những cần phải có bản sao công chứng mà còn cần phải dịch sang tiếng Séc. Có thể yêu cầu phiên dịch quốc gia điền điểm vào bảng so sánh trong ghi chú.</p> <p>Nếu hệ thống chấm điểm khác với CH Séc thì nên viết thêm vào thư giới thiệu gửi cho hiệu trưởng trường là hệ thống chấm điểm có mức điểm bao nhiêu, điểm nào tốt nhất và điểm nào kém nhất.</p> <p>Có thể chuyển đổi sang điểm Séc tương đương và tính điểm trung bình theo hệ thống chấm điểm Séc.</p>					
	Thành tích trung bình ¹⁴⁾				

Số tờ phụ lục ¹⁵⁾:
Gạch chéo để
chọn

Chứng nhận bản sao tổng kết từ chứng chỉ của trường trên cơ sở đơn của học sinh (dấu không có quốc huy nhỏ và chữ ký của hiệu trưởng), hoặc

Chữ ký học sinh, nếu điền dữ liệu và nộp kèm bản sao chứng chỉ được công chứng (theo điều 1 khoản 2 của thông tư số 353/2016 Sb.).

Chứng nhận bản sao tổng kết

Ghi chú: Ngày nộp quyết định tới việc xếp vào vòng thi tuyển tương xứng ở trang B chứng nhận đúng bản sao điểm của chứng chỉ

Giải thích:

11) Mã (IZO) của trường – mã ngành nghề của trường trên chứng chỉ.

12) Trường điền (thường là trường tiểu học hoặc trung học hữu quan) hoặc học sinh. Vì tiêu chí tuyển nhận thường nêu hạng kiểm và học lực của 2 năm cuối cùng của tiểu học, trường đặc biệt hoặc trung học hữu quan nếu không có bản sao chứng chỉ đã được công chứng đi kèm (điều 1 khoản 1 và 2 của thông tư số 353/2016 Sb.)

13) Có thể nêu các dữ liệu trong phụ lục riêng, nhưng trước tiên liên quan tới tiêu chí tuyển nhận.

14) Điểm trung bình của tất cả các bộ môn bắt buộc được tính 2 số sau dấu thập phân,

15) Chứng từ kèm chỉ có thể được sử dụng ở 1 lần ở 1 trường (với mẫu đơn số 2 nộp cho 1 trường có thể nêu tham chiếu tới số hồ sơ của đơn số 1).

16) Điền năm học mà tổng kết của năm học đó được trình. Không đánh giá học kỳ 2 của năm học 2019/2020.